ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 577/BC-UBND	*Nghi Xuân, ngày 18 tháng 12 năm 2020*

Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Nghi Xuân
Email: ubnghixuan@hatinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Tĩnh
Thời gian ký: 18.12.2020 15:56:00 +07:00

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, đánh giá, phân loại hợp tác xã năm 2020 và công tác giải thể hợp tác xã trên địa bàn huyện Nghi Xuân

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện Văn bản số 3243/SKHĐT-DNĐT ngày 07/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 và Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân báo cáo một số như sau:

1. Về kết quả rà soát, đánh giá, phân loại hợp tác xã:

Có 42 hợp tác xã được đưa vào phân loại, đánh giá hiệu quả hoạt động, trong đó, có 01 HTX hoạt động tốt, 08 HTX hoạt động khá, 23 HTX hoạt động trung bình, 10 HTX hoạt động yếu kém (có phụ lục 1 kèm theo).

2. Về công tác giải thể hợp tác xã:

Sau khi làm việc với Tổ công tác hỗ trợ, đôn đốc giải thể các hợp tác xã (theo QĐ số 3614/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND tỉnh) ngày 02/12/2020, tại buổi làm việc Tổ công tác đã kết luận: Đề nghị UBND huyện tiếp tục chỉ đạo hoàn thành công tác giải thể đối 06 hợp tác xã còn lại và hoàn thành việc củng cố, chuyển đổi đối với 05 hợp tác xã xin để lại tiếp tục duy trì hoạt động trước ngày 20/12/2020.

Thực hiện kết luận của Tổ công tác tại buổi làm việc, UBND huyện Nghi Xuân đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Tổ công tác nêu trên. Kết quả thực hiện như sau: Hoàn thành công tác chuyển đổi, củng cố 05/05 hợp tác xã đi vào hoạt động và hoàn thành công tác giải thể 05/06 hợp tác xã theo đúng quy định.

Tính đến thời điểm ngày 18/12/2020, trên địa bàn huyện Nghi Xuân có 47/48 hợp tác xã đã giải thể, còn lại 01 hợp tác xã chưa giải thể do đang còn nợ thuế, người đại diện hợp pháp theo pháp luật và các thành viên của hợp tác xã không có mặt tại địa bàn nên chưa hoàn thiện hồ sơ giải thể theo quy định.

3. Kiến nghị, đề xuất:

Việc báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1, Điều 25, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã: *Chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 hàng năm, hợp tác xã báo cáo trung thực, đầy đủ, chính xác bằng văn bản tình hình hoạt động của hợp tác xã năm trước đó với cơ quan đăng ký hợp tác xã*. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã: *Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, hợp tác xã nộp bảng tự chấm điểm đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã theo mẫu tại Phụ lục I-19 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã*. Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân nhận thấy sự chồng chéo trong chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, việc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động tại thời điểm ngày 15 tháng 12 hàng năm là chưa phù hợp do hợp tác xã chưa thực hiện quyết toán tài chính trong năm, chưa được các thành viên hợp tác xã thống nhất về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; dẫn đến, việc đánh giá, phân loại hợp tác xã tại thời điểm ngày 15/12 hàng năm là chưa phản ánh được đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động của hợp tác xã. Vì vậy, đề nghị sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh thời gian báo cáo tình hình hoạt động, tự chấm điểm của hợp tác xã đảm bảo phù hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1: Kết quả đánh giá, phân loại hợp tác xã theo Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số 577/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân)

TT	Tên hợp tác xã	Số Giấy đăng ký hợp tác xã	Ngày đăng ký thành lập, thay đổi	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Vốn thực góp của các thành viên (nghìn đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Số thành viên	Kết quả xếp loại hợp tác xã năm 2019					Ghi chú
										Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Ngừng hoạt động chờ giải thể	
A	**Lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp, nước sạch nông thôn, tổng hợp)**					**73.898.618**	**70.798.618**		**2.313**	**-**	**7,0**	**17,0**	**7,0**	**-**	
A1	**Lĩnh vực trồng trọt**					**9.633.750**	**9.633.750**		**993**	**-**	**1,0**	**1,0**	**2,0**	**-**	
1	HTX Nông nghiệp Song Hồng	28.03.07.000001	Năm thành lập 06/7/2004; Năm chuyển đổi 15/6/2016	Thôn 5, xã Xuân Hồng	0915.000.403	3.660.000	3.660.000	Trồng rau các loại; Trồng lúa; Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Kinh doanh phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật)	600				x		
2	HTX Nông nghiệp Hồng Phú	28.03.07.000009	Năm thành lập 17/3/2000; Năm chuyển đổi 15/6/2016	Thôn 8, xã Xuân Hồng	0978.487.797	3.373.750	3.373.750	Trồng rau các loại; Trồng lúa; Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Kinh doanh dịch vụ máy móc sản xuất nông nghiệp)	378			x			
3	HTX An Tâm Farm	28.03.07.000120	08/11/2017	Thôn Trường Lam, xã Xuân Hải	0911.278.686	1.100.000	1.100.000	Trồng rau, củ, quả	7		x				
4	HTX Dịch vụ nông nghiệp Cổ Đạm	28.03.07.000050	Năm thành lập 09/10/2014; Năm thay đổi 12/11/2018	Thôn 3, xã Cổ Đạm	0983.057.359	1.500.000	1.500.000	Trồng các loại rau, củ, quả công nghệ cao	8				x		
A2	**Lĩnh vực chăn nuôi**					**15.100.000**	**13.000.000**		**65**	**-**	**2,0**	**3,0**	**2,0**	**-**	

TT	Tên hợp tác xã	Số Giấy đăng ký hợp tác xã	Ngày đăng ký thành lập, thay đổi	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Vốn thực góp của các thành viên (nghìn đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Số thành viên	Kết quả xếp loại hợp tác xã năm 2019					Ghi chú
										Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Ngừng hoạt động chờ giải thể	
1	HTX Nga Hải	28.03.07.000042	Năm thành lập 19/02/2014; Năm chuyển đổi 09/5/2014	Thôn Hương Mỹ, xã Xuân Mỹ	0904.724.345	1.500.000	1.500.000	Chăn nuôi lợn, bò, gà, cá; Sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, trồng rau các loại)	12		x				
2	HTX chăn nuôi và dịch vụ chế biến thủy sản Phong Thành	28.03.07.000055	06/02/2015	Thôn Tân Mỹ, xã Xuân Mỹ	0983.417.599	4.000.000	4.000.000	Chăn nuôi bò; chăn nuôi lợn	10				x		
3	HTX Thắng Lợi	28.03.07.000059	15/03/2015	Thôn Thanh Văn, xã Xuân Thành	0904.519.734	2.000.000	2.000.000	Chăn nuôi lợn	7		x				
4	HTX Chăn nuôi tổng hợp Xuân Lĩnh	28.03.07.000030	Năm thành lập 15/3/2013; Năm chuyển đổi 12/10/2015	Thôn 3, xã Xuân Lĩnh	0974.047.291	2.500.000	2.500.000	Chăn nuôi bò thịt, cá, gà, vịt	10				x		
5	HTX Hoa Nga	28.12.07.000039	Năm thành lập 01/7/2015 Năm thay đổi 21/7/2016	Xã Cổ Đạm	0904.564.268	3.000.000	3.000.000	Chăn nuôi lợn	12			x			
6	HTX Nông nghiệp - Dịch vụ Trung Sơn	28.03.07.000084	04/11/2015	Thôn Trung Sơn, xã Xuân Viên	0912.359.998	600.000		Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi bò; Chăn nuôi gà; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Nuôi cá	7			x			
7	HTX Thành Đạt	28.03.07.000063	18/5/2015	Thôn Thanh Văn, xã Xuân Thành	01659.816.243	1.500.000		Chăn nuôi lợn	7			x			
A3	**Lĩnh vực thủy sản**					**28.000.000**	**27.000.000**		**92**	**-**	**1,0**	**6,0**	**2,0**	**-**	
1	HTX nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu Xuân Thành	28.03.07.000023	Năm thành lập 30/8/2011; Năm chuyển đổi 06/6/2015	Xóm 3, xã Xuân Phổ	0936.220.298	2.500.000	2.500.000	Nuôi trồng thủy sản nội địa	10			x			
2	HTX nuôi trồng và chế biến hải sản xuất khẩu Hoàng Thông	28.03.07.000044	Năm thành lập 03/3/2014; Năm chuyển đổi 06/6/2015	Xóm 7, xã Xuân Phổ	0168.570.9029	3.000.000	3.000.000	Nuôi trồng thủy sản nội địa	10		x				

TT	Tên hợp tác xã	Số Giấy đăng ký hợp tác xã	Ngày đăng ký thành lập, thay đổi	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Vốn thực góp của các thành viên (nghìn đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Số thành viên	Kết quả xếp loại hợp tác xã năm 2019					Ghi chú
										Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Ngừng hoạt động chờ giải thể	
3	HTX Thiên Phú	28.03.07.000062	13/5/2015	Thôn Đại Đồng, xã Cương Gián	0964.491.206	2.000.000	2.000.000	Chế biến và bảo quản nước mắm	7			x			
4	Hợp tác xã Đánh bắt, khai thác thủy sản hải sản Hải Giang	28.03.07.000088	04/12/2015	Thôn Hồng Nhất, xã Xuân Giang	0983.882.425	5.000.000	5.000.000	Khai thác thủy sản biển	16			x			
5	HTX Nuôi trồng thủy sản Cựu chiến binh Huệ Kiên	28.03.07.000091	23/12/2015	Thôn Dương Phòng, xã Xuân Hải	0915.613.355	3.000.000	3.000.000	Nuôi trồng thủy sản nội địa	7			x			
6	HTX Nuôi trồng thủy sản và Dịch vụ nông nghiệp xã Xuân Liên	28.03.07.000118	05/01/2017	Thôn Linh Tân, xã Xuân Liên	0973.083.390	7.000.000	7.000.000	Nuôi trồng thủy sản nội địa	10			x			
7	HTX Hữu Nghị	28.03.07.000097	03/03/2016	Thôn 4, xã Cổ Đạm	0948.657.093	1.000.000	1.000.000	Nuôi trồng thủy sản nội địa	8				x		
8	HTX Dịch vụ tổng hợp Thái Minh Thủy	28.03.07.000027	Năm thành lập 13/11/2012; Năm chuyển đổi 17/5/2016	Thôn Bắc Sơn, xã Cương Gián	0917.667.579	3.500.000	3.500.000	Nuôi trồng thủy sản nội địa	12			x			
9	HTX Phổ Xuân Dương	28.03.07.000047	Năm thành lập 01/3/2014; Năm chuyển đổi 06/6/2015	Xóm 2, xã Xuân Phổ	01292.074.488	1.000.000		Nuôi trồng thủy sản nội địa	12				x		
A4	**Dịch vụ nông nghiệp**					**21.164.868**	**21.164.868**		**1.163**	**-**	**3,0**	**7,0**	**1,0**	**-**	
1	HTX Dịch vụ nông nghiệp & Thủy lợi Xuân Yên	28.03.07.000107	25/08/2016	Thôn Trung Lộc, xã Xuân Yên	01635.850.521	1.200.000	1.200.000	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	7			x			
2	HTX Dịch vụ nông nghiệp và thủy lợi Xuân Trường	28.03.07.000109	13/09/2016	Xóm Hợp Phúc, xã Xuân Trường	01642.277.969	1.200.000	1.200.000	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	7			x			

TT	Tên hợp tác xã	Số Giấy đăng ký hợp tác xã	Ngày đăng ký thành lập, thay đổi	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Vốn thực góp của các thành viên (nghìn đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Số thành viên	Kết quả xếp loại hợp tác xã năm 2019					Ghi chú
										Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Ngừng hoạt động chờ giải thể	
3	HTX Dịch vụ nông nghiệp và thủy lợi Xuân Hội	28.03.07.000111	15/09/2016	Xóm Hội Thái, xã Xuân Hội	0989.192.825	1.500.000	1.500.000	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	7			x			
4	HTX Dịch vụ nông nghiệp Lam Sơn	0028NX	Năm thành lập 21/3/2000; Năm chuyển đổi 15/6/2016	Thôn 2, xã Xuân Hồng	01685.792.910	7.245.535	7.245.535	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Kinh doanh dịch vụ thuốc phòng trừ dịch bệnh cây trồng; phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật; kinh doanh dịch vụ máy móc sản xuất nông nghiệp)	402			x			
5	HTX Nông nghiệp thống nhất Xuân Lam	28.03.07.000017	Năm thành lập 15/3/2013; Năm chuyển đổi 29/6/2016	Thôn 3, xã Xuân Lam	0944.374.386	499.333	499.333	Dịch vụ nông nghiệp	691		x				
6	HTX Dịch vụ Nông nghiệp và thủy lợi Xuân Phổ	28.03.07.000057	15/03/2015	Xóm 1, xã Xuân Phổ	0912.448.029	1.500.000	1.500.000	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	10			x			
7	Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Cương Gián	28.03.07.000087	04/12/2015	Thôn Bắc Sơn, xã Cương Gián	0986.776.162	1.100.000	1.100.000	Dịch vụ nông nghiệp	7			x			
8	HTX Thu mua và chế biến hàng nông sản An Mỹ	28.03.07.000102	15/06/2016	Thôn An Mỹ, xã Tiên Điền	0964.818.423	900.000	900.000	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp (Thu mua và chế biến hàng nông sản)	7		x				
9	HTX sản xuất, thu mua, chế biến Lạc Dương Phòng	28.03.07.000075	15/09/2015	Thôn Dương Phòng, xã Xuân Hải	01698.048.354	1.420.000	1.420.000	Buôn bán nông sản; chế biến lạc vỏ thành lạc nhân	10			x			
10	HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Xuân Viên	28.03.07.000115	28/11/2016	Thôn Khang Thịnh, xã Xuân Viên	0978.021.051	1.600.000	1.600.000	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	7		x				

TT	Tên hợp tác xã	Số Giấy đăng ký hợp tác xã	Ngày đăng ký thành lập, thay đổi	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Vốn thực góp của các thành viên (nghìn đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Số thành viên	Kết quả xếp loại hợp tác xã năm 2019					Ghi chú
										Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Ngừng hoạt động chờ giải thể	
11	HTX Dịch vụ nông nghiệp Sơn Hồng	28.03.07.000094	03/03/2016	Thôn 3, xã Cổ Đạm	01698.214.658	3.000.000	3.000.000	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (cung ứng giống vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, dịch vụ làm đất, dịch vụ thu hoạch)	8				x		
B	**Lĩnh vực thương mại dịch vụ**					**11.140.000**	**11.140.000**	-	**52**	-		**5,0**	-	-	
1	Hợp tác xã Thương mại dịch vụ Hải Sơn	28.03.07.000085	13/11/2015	Thôn Hồng Thủy, xã Xuân Hải	0972.502.640	1.350.000	1.350.000	Quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	7			x			
2	HTX Thương mại dịch vụ Xuân Đan	28.03.07.000069	16/07/2015	Xóm Bình Phúc, xã Xuân Đan	01667.057.619	1.000.000	1.000.000	Quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	8			x			
3	HTX Thương mại dịch vụ, xây dựng vừa và nhỏ Xuân Trường	28.03.07.000074	28/08/2015	Xóm Lộc Hạnh, xã Xuân Trường	01685.547.563	800.000	800.000	Quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	7			x			
4	HTX Châu Cường	28.03.07.000039	Năm thành lập 29/10/2013; Năm chuyển đổi 17/7/2015	Thôn Linh Vượng, xã Xuân Liên	0902.176.568	4.000.000	4.000.000	Quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	16			x			
5	HTX DV Môi trường Xuân Yên	28.03.07.000037	Năm thành lập 14/8/2013; Năm chuyển đổi 28/7/2015	Thôn Hợp Giáp, xã Xuân Yên	0904.607.889	3.990.000	3.990.000	Quản lý, kinh doanh và khai thác chợ	14			x			
C	**Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**					**12.000.000**	**12.000.000**		**10**	-	-	**1,0**	-	-	
1	HTX Bình Minh	28.03.07.000013	Năm thành lập 18/02/2007; Năm chuyển đổi 22/6/2016	Thôn An Phúc Lộc, xã Xuân Liên	0982.823.798	12.000.000	12.000.000	Khai thác đá, cát, sỏi	10			x			

TT	Tên hợp tác xã	Số Giấy đăng ký hợp tác xã	Ngày đăng ký thành lập, thay đổi	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Vốn thực góp của các thành viên (nghìn đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Số thành viên	Kết quả xếp loại hợp tác xã năm 2019					Ghi chú
										Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Ngừng hoạt động chờ giải thể	
E	**Lĩnh vực môi trường**					**4.000.000**	**4.000.000**		**15**	**-**	**1,0**	**-**	**1,0**	**-**	
1	HTX Tân Phát	28.03.07.000051	Năm thành lập 29/10/2014; Năm thay đổi 24/01/2018	Thôn Nam Sơn, xã Cương Gián	0985.643.610 - 0976.559.819	1.000.000	1.000.000	Thu gom rác thải; Xử lý và tiêu hủy rác thải; Ươm giống và trồng cây xanh	8		x				
2	HTX sản xuất kinh doanh và Môi trường Hợp Lực	28.03.07.000026	Năm thành lập 18/7/2012; Năm chuyển đổi 29/6/2016	Thôn Phong Giang, xã Tiên Điền	0973.580.144	3.000.000	3.000.000	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, môi trường; Chăn nuôi kỳ nhông	7				x		
G	**Lĩnh vực dịch vụ điện**					**9.320.000**	**9.320.000**		**14**	**-**	**-**	**-**	**2,0**	**-**	
1	HTX điện Xuân Viên	28.03.07.000005	Năm thành lập 25/7/2003; Năm chuyển đổi 31/8/2014	Thôn Khang Thịnh, xã Xuân Viên	0934.354.174	4.820.000	4.820.000	Mua, bán lẻ điện; Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện nông thôn; Mua, bán vật liệu thiết bị dân dụng; Xây dựng, lắp đặt hệ thống lưới điện hạ thế nông thôn	7				x		
2	HTX dịch vụ điện Xuân Liên	28.03.07.000014	Năm thành lập 30/12/2005; Năm chuyển đổi 30/6/2016	Thôn An Phúc Lộc, xã Xuân Liên	0983.195.823	4.500.000	4.500.000	Mua, bán lẻ điện; Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện nông thôn; Mua, bán vật liệu thiết bị dân dụng; Xây dựng, lắp đặt hệ thống lưới điện hạ thế nông thôn	7				x		
H	**Lĩnh vực tín dụng**					**14.000.000**	**14.000.000**		**3.958**	**1,0**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	HTX Quỹ tín dụng nhân dân	002NX	16/6/1998	Thôn Bắc Sơn, xã Cương Gián	0393.823.254	14.000.000	14.000.000	Hoạt động tín dụng	3.958	x					
Tổng						**124.358.618**	**121.258.618**		**6.362**	**1,0**	**8,0**	**23,0**	**10,0**	**-**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2: Bảng tổng hợp các Hợp tác xã vi phạm Điều 4, Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số 577 /BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân)

TT	Tên hợp tác xã	Số Giấy đăng ký hợp tác xã	Ngày đăng ký thành lập, thay đổi	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Vốn thực góp của các thành viên (nghìn đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Số thành viên	Vi phạm Điều 4	Ghi chú
1	HTX Duy Thoại	28.03.07.000106	15/08/2016	Thôn Lam Thủy, xã Tiên Điền (nay là Tổ dân phố Lam Thủy, thị trấn Tiên Điền)		1.000.000		Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất sản phẩm nhôm kính, sắt, inox các loại); Sản xuất cửa nhựa lõi thép	7	x	Hợp tác xã chưa giải thể do đang còn nợ thuế 20.587.721 đồng (thuế TNCN và thuế VAT), người đại diện hợp pháp theo pháp luật và các thành viên của hợp tác xã không có mặt tại địa bàn nên chưa hoàn thiện hồ sơ giải thể theo quy định